

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 964/QĐ-ĐHL ngày 09/10/2020 của Hiệu trưởng
đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hoá Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện, tiêu chí đánh giá, khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Hướng dẫn này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (văn bằng 1) tại Trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế đánh giá điểm rèn luyện; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức tham gia học tập;

b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;

c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Khung điểm đánh giá các mặt:

stt	Các mặt đánh giá	Điểm cộng	Điểm trừ	Điểm thưởng	Khung điểm
1	Ý thức tham gia học tập	0 đến +20	0 đến -20	0	20
2	Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường	0 đến +25	0 đến -25	0	25
3	Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;	0 đến +20	0 đến -20	0	20
4	Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	0 đến +25	0	0	25
5	Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.	0 đến +10	0	0 đến +10	10

Điều 5. Các tiêu chí đánh giá chi tiết và mức điểm

Phụ lục kèm theo.

Chương III
PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 6. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.
2. Phân loại kết quả rèn luyện:
 - a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
 - b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
 - c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 7. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên **trong học tập** tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.
7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.
9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 8. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Đầu học kỳ, Cố vấn học tập lớp sinh viên tổ chức sinh hoạt lớp phổ biến, hướng dẫn công tác đánh giá điểm rèn luyện đến từng sinh viên.
2. Sinh viên tích lũy điểm rèn luyện bằng cách tham gia các hoạt động và thực hiện các nội dung của năm mặt đánh giá.

3. Các đơn vị, tổ chức Đoàn thể trong trường tổ chức các hoạt động học tập, rèn luyện sinh viên phải cập nhật, công bố kết quả tham gia của sinh viên trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc chương trình.

3. Trong học kỳ, Trường tổng hợp và cập nhật thường xuyên các hoạt động sinh viên tham gia trong trường vào tài khoản rèn luyện sinh viên, để làm căn cứ cho sinh viên tự đánh giá.

4. Cuối học kỳ, Cố vấn học tập tổ chức họp lớp tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên, cụ thể:

- Nhận xét ý thức tham gia các học tập, rèn luyện tại lớp ở các tiêu chí 1.1.1, 2.1.2, 4.1.1.

- Xét và thông qua kết quả đánh giá điểm rèn luyện sinh viên trong trường cung cấp và những kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kết quả tham gia các hoạt động (nếu có).

- Xét và đề nghị cộng điểm rèn luyện sinh viên tham gia các hoạt động ngoài trường (trên cơ sở minh chứng xác nhận), tổng hợp gửi kèm hồ sơ lên Hội đồng cấp Khoa, Hội đồng cấp Trường và Phòng Công tác sinh viên để cập nhật vào hệ thống điểm sinh viên.

- Xem xét các trường hợp sinh viên tại Khoản 6 Điều 7 của Quy định (nếu có), đề nghị mức điểm rèn luyện phù hợp cho từng trường hợp.

- Đề nghị hạ bậc điểm rèn luyện sinh viên không tham gia họp xét điểm rèn luyện tại lớp.

Kết quả đánh giá từng sinh viên tại lớp phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của người học chính thức.

2. Hội đồng cấp trường

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Sinh viên
- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Xem xét các trường hợp đặc biệt của sinh viên theo đề nghị của Khoa, Phòng Công tác sinh viên, lớp sinh viên và các đơn vị trong trường có liên quan.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.
- Các ủy viên: Trợ lý theo dõi công tác quản lý người học; cố vấn học tập; đại diện Đoàn khoa (Liên chi đoàn thanh niên); Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Xem xét các trường hợp đặc biệt của sinh viên theo đề nghị của lớp sinh viên và các đơn vị trong trường có liên quan.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của cố vấn học tập của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

Điều 10. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Thời gian kết thúc học kỳ được xác định cố định trong năm (không tính học kỳ hè), làm cơ sở xác định thời gian tham gia hoạt động học tập, rèn luyện sinh viên trong học kỳ, cụ thể:

+ Kết thúc học kỳ I là ngày 31/12 hàng năm và hoạt động xét điểm được tính từ ngày 01/6 đến ngày 31/12.

+ Kết thúc học kỳ II là ngày 31/05 hàng năm và hoạt động xét điểm được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/05.

+ Các hoạt động diễn ra với thời gian dài qua 2 học kỳ, đơn vị tổ chức trong trường sẽ đề xuất tính điểm đánh giá điểm rèn luyện cho học kỳ phù hợp.

+ Đối với các trường hợp đặc biệt, nhà trường phải thay đổi thời gian đào tạo trong năm học, thì Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện sẽ xem xét và xác định lại gian kết thúc học kỳ và công bố cho sinh viên biết vào đầu học kỳ.

3. Đối với sinh viên năm cuối, sẽ được đánh giá điểm rèn luyện cả năm dựa theo điểm rèn luyện của học kỳ 1.

4. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

5. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

6. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 11. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý người học của cơ sở giáo dục đại học, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được cơ sở giáo dục đại học xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 12. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản áp dụng

1. Phòng Công tác sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm về kết quả rèn luyện của toàn bộ sinh viên trường.
2. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Phòng Công tác sinh viên trong việc thực hiện công tác đánh giá điểm rèn luyện sinh viên.
3. Phòng Công tác sinh viên tham mưu Hiệu trưởng xem xét quyết định đối với các trường hợp đặc biệt (nếu có).

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ năm học 2020 – 2021, và thay thế Quyết định số 665/QĐ-ĐHL ngày 15/3/2016 của Hiệu trưởng Trường đại học Luật Tp. HCM về việc ban hành hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.
2. Trong quá trình thực hiện, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Công tác sinh viên để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định./.

Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên
(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 964/QĐ-ĐHL ngày 09/10/2020)

1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập.

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1.1	Điểm cộng: + 20 điểm (tối đa)		
1.1.1	Đi học chuyên cần, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học; chuẩn bị bài tốt, đóng góp ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm; đánh giá của lớp về tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;	5 điểm (tối đa)	Tập thể lớp đánh giá
1.1.2	Thành viên các câu lạc bộ, đội nhóm về học thuật, nghiên cứu khoa học... - Thành viên - Thành viên tích cực	2 điểm 4 điểm	
1.1.3	Tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề, huấn luyện kỹ năng, khảo sát đánh giá, sinh hoạt, giao lưu, trao đổi... về học tập, nghiên cứu khoa học; các cuộc thi về học thuật (có danh sách đăng ký, danh sách triệu tập tham gia,... và được BTC đề xuất công điểm)	2 điểm/lần	
1.1.4	Tham gia các cuộc thi học thuật trong và ngoài trường (dự thi, được BTC xác nhận). - Cấp trường - Cấp khoa/ngoài trường - Cấp chi/lớp	4 điểm 3 điểm 2 điểm	
1.1.5	Thành viên đội tuyển học thuật, thành viên BTC các cuộc thi học thuật trong trường.	5 điểm/lần	
1.1.6	Đạt giải cuộc thi học thuật: - Cấp thành và tương đương - Cấp trường - Cấp khoa/ngoài trường	8 điểm/giải 6 điểm/giải 4 điểm/giải	
1.1.7	Thực hiện nghiên cứu khoa học: - Hoàn thành đề cương đề tài - Bảo vệ đề tài đề cấp khoa - Bảo vệ đề tài cấp trường	3 điểm 5 điểm 8 điểm	Đạt giải thưởng, công thêm điểm tại 5.2.1
1.1.8	Có bài viết được đăng báo, tạp chí KHPL, kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tham luận, báo cáo chuyên đề liên quan đến hoạt động học thuật	5 điểm/bài	
1.1.9	Kết quả học tập: (Thang điểm 4) - Khá - Giỏi - Xuất sắc	3 điểm 5 điểm 8 điểm	
1.2	Điểm trừ: - 20 điểm (tối đa)		
1.2.1	Bị xử lý kỷ luật trong các kỳ thi kết thúc học phần: - Khiển trách - Cảnh cáo - Đình chỉ thi	-10 điểm -15 điểm -20 điểm	
1.2.2	Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động học thuật, học tập. (Tùy vào mức độ gây ảnh hưởng, BTC	-10điểm	

	<i>các hoạt động đề xuất điểm trừ)</i>	<i>(tối đa)</i>	
	Tổng điểm mục 1: 20 điểm (tối đa)		

2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định

TT	Nội dung	Điểm	
2.1	Điểm cộng: + 25 điểm (tối đa)		
2.1.1	Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong cơ sở giáo dục đại học, các quy định, nội quy, quy chế trong nhà trường.	5 điểm <i>(tối đa)</i>	
2.1.2	Tham gia các buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, chi hội, các hoạt động được triệu tập: - Buổi sinh hoạt lớp: 3 điểm/lần ; - Sinh hoạt Chi đoàn, Chi hội: 3 điểm/lần . - Sinh hoạt chính trị, Sinh hoạt Chi đoàn chủ điểm 3 điểm/lần ;	20 điểm <i>(tối đa)</i>	<i>Tập thể lớp đánh giá</i>
2.2	Điểm trừ: – 25 điểm (tối đa)		
2.2.1	Không khai thông tin ngoại trú theo quy định.	-10điểm	
2.2.2	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông	-10điểm/lần	
2.2.3	Vi phạm nội quy trường học:(Những hành vi chưa đến mức bị xử lý kỷ luật) - Không đeo băng tên khi đến trường - Trang phục không phù hợp khi đến trường - Gây ồn ào, mất trật tự làm ảnh hưởng đến giờ học - Uống rượu, Hút thuốc lá trong khuôn viên trường - Làm bẩn, mất vệ sinh dưới mọi hình thức, lên các trang thiết bị như: bàn, ghế, bảng viết, màn chiếu, trường, sàn, cửa...; - Tự ý di chuyển trang thiết bị, tài sản ra khỏi vị trí đã sắp xếp, lắp đặt trong phòng. Đứng lên bàn ghế, leo trèo hoặc ngồi trên lan can, khung cửa sổ; - Sao in và phát hành các loại giáo trình, tài liệu học tập trái với các quy định của Nhà trường. <i>(chưa đến mức bị xử lý kỷ luật)</i> <i>(Những hành vi được quy định trong nội quy trường học tùy vào mức độ vi phạm, tài phạm sinh viên có thể bị xử lý kỷ luật ở mức cao hơn)</i>	-3điểm/lần -5điểm/lần -5điểm/lần -5điểm/lần -5điểm/lần -10điểm/lần -20điểm/lần	
2.2.4	Vi phạm nội quy thư viện ở mức độ: Nhắc nhở, phê bình, khóa thẻ thư viện...	-5điểm/lần	
2.2.5	Không tham gia các buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, chi hội; các buổi phân công trực do Khoa, lớp phân công...	-3điểm/lần	
2.2.6	Không tham gia các buổi sinh hoạt được Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên triệu tập.	-5điểm/lần	
2.2.7	- Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá. - Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.		<i>Theo Điều 7 của quy định</i>
	Tổng điểm mục 2: 25 điểm (tối đa)		

3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

TT	Nội dung	Điểm	
----	----------	------	--

3.1	Điểm cộng: + 20 điểm (tối đa)		
3.1.1	Thành viên các câu lạc bộ, đội nhóm văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện, công tác xã hội. - Thành viên. - Thành viên tích cực.	2 điểm 4 điểm	
3.1.2	Tham dự (cổ vũ, cổ động...) các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. <i>(Theo chương trình được duyệt và BTC đề xuất cộng điểm)</i>	2 điểm/lần	
3.1.3	Tham gia (thí sinh, vận động viên,...) các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao...	3 điểm/lần	
3.1.4	Thành viên đội tuyển, thành viên BTC các cuộc thi, các giải phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: - Thành viên đội tuyển các cuộc thi; - Thành viên BTC các hoạt động cấp lớp; - Thành viên BTC các hoạt động cấp khoa, cấp trường trở lên diễn ra trong ngày/ngắn ngày; - Thành viên BTC các hoạt động cấp khoa, cấp trường trở lên, diễn ra nhiều ngày.	4 điểm/lần 3 điểm/lần 4 điểm/lần 5 điểm/lần	
3.1.5	Đạt giải các cuộc thi, các giải hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: - Cấp thành và tương đương; - Cấp trường; - Cấp khoa/ngoài trường;	8 điểm/giải 6 điểm/giải 4 điểm/giải	
3.1.6	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. <i>(Thành viên các đội, nhóm tuyên truyền có kế hoạch hoạt động cụ thể được đơn vị quản lý xét duyệt)</i>	5 điểm/lần	
3.2	Điểm trừ: - 20 điểm (tối đa)		
3.2.1	Đăng ký tham gia, dự thi các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, nhưng tự ý bỏ cuộc <i>(không có lý do)</i>	-4điểm/lần	
3.2.2	Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động <i>(tùy vào mức độ gây ảnh hưởng, BTC các hoạt động đề xuất điểm trừ)</i>	-6điểm/lần	
	Tổng điểm mục 3: 20 điểm (tối đa)		

4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

TT	Nội dung	Điểm	
4.1	Điểm cộng: + 25 điểm (tối đa)		
4.1.1	Chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.	5 điểm <i>(tối đa)</i>	<i>Tập thể lớp đánh giá</i>
4.1.2	Nhận thức về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: - Kết quả bài thu hoạch tuần công dân sinh viên: điểm bài viết ; - Học tập Nghị quyết của Đảng, Đoàn: 2 điểm /lần ; - 6 bài lý luận chính trị, 6 bài LLCT online: 2 điểm/lần ; - Đăng ký thực hiện Phong cách Sinh viên Luật: 2 điểm .	10 điểm <i>(tối đa)</i>	
4.1.3	Tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội cấp lớp,	10 điểm	

	Khoa, Câu lạc bộ đội nhóm, cấp trường: - Cấp trường: 10 điểm/lần ; - Cấp khoa: 5 điểm/lần ; - Cấp lớp: 3 điểm/lần ; - Ngoài trường: 2 điểm/lần ; - Quyên góp, hội thu cho các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội (có kế hoạch hoạt động cụ thể được đơn vị quản lý xét duyệt): 2 điểm/lần .	(tối đa)	
4.1.4	Hoạt động giúp người, cứu người: Hiến máu nhân đạo; các hoạt động giúp người cứu người được tập thể lớp, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài trường công nhận...	5điểm/lần	
4.1.5	Các hoạt động sinh viên tham gia hỗ trợ công tác của nhà trường: - Công tác đảm bảo trật tự và an toàn giao thông sinh viên: 3 điểm/lần ; - Hoạt động tư vấn tuyển sinh, hỗ trợ thí sinh nhập học: 3 điểm/lần ; - Hoạt động hỗ trợ tổ chức các ngày lễ của trường: 3 điểm/lần ; - Các hoạt động khác do Nhà trường cử: từ 3 – 5 điểm/lần (tùy vào mức độ tham gia của sinh viên, BTC đề xuất mức điểm)	10 điểm (tối đa)	
4.1.6	Tham gia các hoạt động xã hội, giúp người, cứu người được biểu dương, khen thưởng: - Cấp Thành. - Cấp trường và tương đương. - Cấp xã, phường, thị trấn.	12điểm/gK 8điểm/gK 4điểm/gK	
	Tổng điểm mục 4: 25 điểm (tối đa)		

5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

TT	Nội dung	Điểm	
5.1	Điểm cộng: + 10 điểm (tối đa)		
5.1.1	Thực hiện nhiệm vụ được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong trường. - Hoàn thành xuất sắc - Hoàn thành tốt - Hoàn thành - Không hoàn thành (CVHT, Khoa: <i>đánh giá BCS lớp; Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên: đánh giá cán bộ đoàn thể</i>)	10 điểm 7 điểm 5 điểm 0 điểm	
5.1.2	Sinh viên là cộng tác viên (thường xuyên) của các đơn vị trong trường, tổ chức đoàn thể có nhiều đóng góp trong công tác. Được các đơn vị, tổ chức đoàn thể xác nhận đánh giá công nhận.	5 điểm (tối đa)	
5.2	Điểm thưởng: + 10 điểm (tối đa)		
5.2.1	Sinh viên đạt giải thưởng hoặc có giấy khen trong học tập, nghiên cứu khoa học cấp trường và trên cấp trường.	10 điểm	
5.2.2	Thành viên đội tuyển trường tham gia các cuộc thi, hội thi từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên đạt thành tích cao (Giải A, B, C, hoặc I, II, III, khuyến khích).	10 điểm	
5.2.3	Sinh viên đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”; “Thanh niên tiên tiến		

	<p>làm theo lời Bác”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp trường - Cấp Thành, cấp Trung ương 	<p>5 điểm</p> <p>10 điểm</p>	
5.2.4	<p>Sinh viên nhận giấy khen, bằng khen về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp thanh niên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp trường - Cấp Thành và Trung ương. 	<p>5 điểm</p> <p>10 điểm</p>	
5.2.5	<p>Tập thể lớp đạt danh hiệu trong công tác thi đua; Tập thể Chi đoàn, Chi hội, các CLB đội nhóm...nhận giấy khen, bằng khen về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp thanh niên..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp trường - Cấp Thành và Trung ương 	<p>2 điểm/gK</p> <p>4 điểm/gK</p>	
5.2.6	<p>Thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện khác do Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp trường xem xét công nhận.</p>	<p>10 điểm</p> <p>(tối đa)</p>	
	Tổng điểm mục 5: 10 điểm (tối đa)		
Tổng cộng mục 1 + mục 2 + mục 3 + mục 4 + mục 5: tối đa 100 điểm			